

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 57 /2017/HSST

Ngày: 26-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hương.
2. Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm.

**** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2017/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M; Giới tính: Nam; sinh ngày 05/5/1964, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú tại: Thôn K, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Katu; Tôn giáo: Không; Con ông Q (đã chết) và bà K (đã chết); Có vợ là L, sinh năm 1965; Con: Có 05 người (lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1996); Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân:

- Tháng 02/1982 nhập ngũ vào Bộ đội Biên phòng tỉnh Bình Trị Thiên (cũ), sau đó chuyển về Đồn Biên phòng 150, 142 và C69 đều thuộc địa bàn Thừa Thiên Huế công tác.

- Năm 1984, học tiếng Lào tại Trường Văn hóa - Ngoại ngữ Hưng Yên.

- Năm 1985, công tác tại Đồn Biên phòng Tây Sơn (127) thuộc Đắc Rông, tỉnh Bình Trị Thiên (cũ).

- Ngày 01/11/1986, xuất ngũ về địa phương với cấp bậc Thượng sỹ.

- Từ năm 1987 đến năm 1990, làm Phó Trung đội dân quân du kích xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Từ năm 1990 đến năm 1995, làm thư ký thôn Thôn K, xã H, huyện A.

- Ngày 04/8/1995 được kết nạp đảng. Ngày 04/8/1996, được công nhận đảng viên chính thức và sinh hoạt tại chi bộ thôn Thôn K, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Từ năm 1996 đến năm 1997 tham gia cấp ủy viên chi bộ 6 thôn Thôn K, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ngày 14/6/2017, Ủy ban kiểm tra huyện ủy A Lưới ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng. Ngày 21/6/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định khởi tố bị can do có hành vi tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M:* Bà Trần Thị Hồng M - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

* *Người làm chứng:*

- NLC1, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn Thôn K, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- NLC2, sinh năm 1985. Trú tại: Đồn biên phòng Nhâm, xã N, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- NLC3, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn H, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn M bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Cuối tháng 12/2016, Nguyễn Văn M đi đặt bẫy kẹp trong rừng gần khu vực mốc Quốc giới 657 thuộc xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế thì phát hiện 01 khẩu súng được quần lại bằng ni lông màu xanh (loại áo mưa tiện lợi) đặt ở gốc cây, cách đường mòn đi lên mốc Quốc giới 657 (phía bên phải) khoảng 10 mét theo hướng Tây Bắc. M mở ra xem và nhìn xung quanh không thấy ai nên bọc lại như cũ rồi đưa đi cất giấu nơi khác cách vị trí phát hiện khẩu súng khoảng 200 mét theo hướng đi về nhà và cách đường mòn từ mốc Quốc giới 657 khoảng 15 mét về phía bên tay phải, bên dưới một thân cây bị đổ nằm ngang và dùng khúc gỗ mục che lại. Khoảng 03 ngày sau, M tiếp tục đi vào rừng một mình để đặt bẫy kẹp. Đến vị trí cất giấu súng, M lấy khẩu súng mang theo. Khi đi đến vị trí khe nước đọng trên núi, cách vị trí phát hiện súng khoảng 400 mét thì ngồi nghỉ và mở bọc ni lông ra kiểm tra, thấy 01 khẩu súng AK hoàn chỉnh với đầy đủ các bộ phận của súng như thân súng, nòng súng, báng súng, hộp tiếp đạn loại ngắn, dây đeo súng,... M tháo hộp tiếp đạn ra và mở khóa an toàn lên đạn để kiểm tra thì thấy trong hộp tiếp đạn có đạn. M dùng ngón tay ấn vào kiểm tra, thấy không lún xuống và cho rằng đã đầy đạn (khoảng 10 viên) nên M lên đạn sẵn, khóa an toàn lại rồi đeo súng trước ngực tiếp tục đi vào rừng theo hướng mốc Quốc giới 657. Trên đường đi, M phát hiện 01 con chuột liền

lấy súng ra bắn 02 phát nhưng không trúng nên chỉnh lại thước ngắm của súng. Sau khi bắn xong, M khóa an toàn lại và mang súng tiếp tục đi đặt bẫy kẹp cho đến khoảng 13 giờ thì đi về. Trên đường về, M ngồi nghỉ ở khe nước đọng (nơi ngồi mở kiểm tra súng lúc trước), mở khóa an toàn, lên đạn cho đạn rơi ra rồi lắp đạn vào hộp tiếp đạn lại, sau đó đưa khẩu súng đi cất giấu ở một bụi cây. Khoảng một tuần sau (tháng 01/2017), M rủ thêm NLC1 (sinh năm 1972; trú tại Thôn K, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, là em ruột của M), đi vào rừng đặt bẫy kẹp. Trên đường đi, M không nói chuyện mình có súng cho NLC1 biết. Khi đi đến gần nơi cất giấu súng, M bảo NLC1 đi chậm lại phía sau nhằm mục đích không cho NLC1 thấy việc M lấy súng nơi cất giấu. Đến lúc M cầm súng thì NLC1 mới biết. Khi ngồi nghỉ, NLC1 hỏi M súng ở đâu mà có thì M mới nói cho NLC1 biết việc mình nhặt được khẩu súng, trong súng có 10 viên đạn và đã bắn 02 viên nhưng không trúng con gì cả. NLC1 không hỏi gì thêm mà cả hai tiếp tục đi vào rừng, hướng khu vực mốc Quốc giới 657 và 656, để đặt bẫy kẹp. Trên đường đi, M tiếp tục sử dụng bắn 02 phát đạn vào con chuột nhưng không trúng, NLC1 đứng phía sau và nói M bắn kém (dở) quá. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, M và NLC1 đi về, khi về đến khe nước đọng lúc ngồi nghỉ, M tháo đạn trong nòng súng ra lắp vào hộp tiếp đạn rồi cất giấu súng ở bụi cây khác trong khu vực này. Khi M chuẩn bị cất giấu súng thì bảo NLC1 cứ đi, còn M đi vào bụi cây để giấu súng. Trên đường về, M yêu cầu NLC1 không được nói cho ai biết việc có súng, để dùng săn bắn thú rừng, khi nào hết đạn thì đem súng giao nộp cho chính quyền địa phương. NLC1 đã nghe lời M và không nói gì thêm. M và NLC1 về nhà, không kể cho ai biết sự việc đã xảy ra liên quan khẩu súng. Một tuần sau, M lại tiếp tục đi vào rừng một mình để đặt bẫy kẹp và lấy súng mang đi sử dụng săn bắn thú rừng. Trên đường đi, M nhìn thấy 01 con chuột nên dùng súng bắn 01 viên đạn và được 01 con chuột, sau đó mang về lán trại của mình, gần khu vực mốc Quốc giới 656 (nơi M thường nghỉ lại qua đêm lúc đi rừng), M đã nướng con chuột và ăn hết một mình, đồng thời nghỉ lại qua đêm tại đây. Sáng hôm sau, M cất giấu khẩu súng tại lán trại của mình rồi đi về nhà. Ngày 04/5/2017, M và NLC1 cùng nhau đi vào rừng để đặt bẫy kẹp. Trên đường đi, M và NLC1 không trao đổi gì về khẩu súng. Đến lán trại của mình, M lấy khẩu súng ra kiểm tra, lúc này NLC1 mới biết M cất giấu súng ở đây, M cho NLC1 biết đã bắn được 01 con chuột và đã nướng ăn hết. M và NLC1 nghỉ lại qua đêm tại lán trại này đến sáng ngày 05/5/2017 thì đi về. Trên đường về, M đang mang súng đi cùng với NLC1 thì bị tổ tuần tra của Đồn Biên phòng Nhâm thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh Thừa Thiên Huế trong khi làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang vào lúc 10 giờ 45 phút tại khu vực gần mốc Quốc giới 657 (cách khoảng 1,5km về hướng Đông Nam) thuộc địa bàn xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ khi nhặt được khẩu súng cho đến ngày bị bắt, ngoài NLC1 biết M có súng ra thì M không nói cho ai biết là mình có súng.

Đồn Biên phòng Nhâm đã tạm giữ những vật chứng sau:

- 01 khẩu súng AK (kèm hộp tiếp đạn); có dây đeo bằng vải xanh, số súng 17140925, dài khoảng 89cm; cao tính từ hộp tiếp đạn đến lưng súng khoảng 19cm, dày 3,8cm. Thân súng bằng kim loại màu đen, báng súng bằng gỗ, tay cầm bằng gỗ có hình dạng như súng tiểu liên AK.

- 03 viên đạn bằng kim loại, vỏ đạn màu đồng, ký hiệu 53987;
- 02 viên đạn bằng kim loại, vỏ đạn màu xám, ký hiệu 0464 và 0571.

Tại bản kết luận giám định số 155/GĐ ngày 10/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

- Khẩu súng ký hiệu A1 cần giám định (nêu tại mục 2.1) là súng tiểu liên Kalashnikov cỡ 7,62mm (AK-47). Súng còn sử dụng để bắn được. Căn cứ mục a, khoản 2, Điều 3, Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, khẩu súng trên là vũ khí quân dụng.

- 05 (năm) viên đạn ký hiệu A2, A3, A4, A5, A6 cần giám định (nêu tại mục 2.1) đều là loại đạn 7,62 × 39mm. Đạn được sử dụng cho các loại súng như: súng tiểu liên Kalashnikov (AK-47) cỡ 7,62mm, súng trường tự nạp đạn Simonov cỡ 7,62mm (CKC), súng trường tự nạp đạn Simonov cỡ 7,62mm đã cải tiến để bắn liên thanh (K63), súng trung liên RPD, RPK... và còn dùng để bắn được. Căn cứ Khoản c, Mục 2, Điều 3 Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, viên đạn trên là vũ khí quân dụng.

- Không xác định được năm sản xuất của khẩu súng và các viên đạn cần giám định.

Ngày 21/7/2017, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành dựng lại hiện trường theo lời khai của bị can Nguyễn Văn M, đã xác định được vị trí mà bị can Nguyễn Văn M nhặt được khẩu súng và các viên đạn; các vị trí bị can cất giấu và lấy khẩu súng để sử dụng.

Ngày 10/7/2017, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành công văn gửi các đơn vị, cơ quan, địa phương trên toàn quốc được trang bị súng, đạn hoặc quản lý súng, đạn để kiểm tra, rà soát xem có bị mất khẩu súng và các viên đạn có đặc điểm như đã thu giữ như của bị can Nguyễn Văn M hay không. Kết quả, không có đơn vị, cơ quan, địa phương nào trên toàn quốc bị mất cả.

Tại bản cáo trạng số 24/QĐ/KSĐT ngày 14/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 230 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 4 năm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Đã có cơ sở để kết luận: Cuối tháng 12/2016, Nguyễn Văn M đi đặt bẫy kẹp trong rừng thì nhặt được một khẩu súng AK-47 và 10 viên đạn, M không đưa về giao nộp cho chính quyền địa phương mà cất giấu nhằm sử dụng vào việc săn bắn thú rừng. Sau khi nhặt được khẩu súng, để tránh bị phát hiện và mất súng, M đã cất giấu khẩu súng tại 04 địa điểm khác nhau. M đã dùng khẩu súng này săn bắn 03 lần hết 05 viên đạn cho đến ngày 05/5/2017, khi đang mang khẩu súng đi cùng với NLC1 để về thì bị tổ tuần tra của Đoàn Biên phòng Nhâm thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện, bắt quả tang tại khu vực gần mốc Quốc giới 657 thuộc địa bàn xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thu giữ 01 khẩu súng (AK-47) và 05 viên đạn đều là loại đạn $7,62 \times 39\text{mm}$.

Hành vi cất giấu và sử dụng trái phép, bất hợp pháp khẩu súng AK-47 và 10 viên đạn là vũ khí quân dụng nêu trên của Nguyễn Văn M đã phạm vào tội: “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 230 của Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Nguyễn Văn M là người còn năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng việc cất giữ trái phép vũ khí quân dụng là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng nên cần phải được xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo là con của người công với cách mạng vì có bố là ông Q và mẹ là bà K được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm một phần hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân, nơi thường trú ổn định rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao cho chính quyền địa phương quản lý như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Do đó, áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo Nguyễn Văn M được hưởng án treo.

* Về xử lý vật chứng: Giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý theo thẩm quyền:

- 01 (một) khẩu súng AK (kèm hộp tiếp đạn); có dây đeo bằng vải màu xanh, số súng 17140925 dài khoảng 89cm; cao tính từ hộp tiếp đạn đến lưng súng khoảng 19cm; dày 3,8cm. Thân súng bằng kim loại màu đen, báng súng bằng gỗ, tay cầm bằng gỗ có hình dạng như súng tiểu liên .

- 03 (ba) viên đạn bằng kim loại, vỏ đạn màu đồng, ký hiệu: 53987.

- 02 (hai) viên đạn bằng kim loại, vỏ đạn màu xám, ký hiệu 0464 và 0571.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 3 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý theo thẩm quyền:

- 01 (một) khẩu súng AK (kèm hộp tiếp đạn); có dây đeo bằng vải màu xanh, số súng 17140925 dài khoảng 89cm; cao tính từ hộp tiếp đạn đến lưng súng khoảng 19cm; dày 3,8cm. Thân súng bằng kim loại màu đen, báng súng bằng gỗ, tay cầm bằng gỗ có hình dạng như súng tiểu liên .

- 03 (ba) viên đạn bằng kim loại, vỏ đạn màu đồng, ký hiệu: 53987.

- 02 (hai) viên đạn bằng kim loại, vỏ đạn màu xám, ký hiệu 0464 và 0571.

(Các loại vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 18/QĐ/KSĐT ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/11/2017 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Cục thi hành án dân sự tỉnh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000đ.

Bản án này là sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV27- CA tỉnh TT-Huế;
- Cục THADS tỉnh; Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Lưu HS; THS; THCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Lộc